TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – AN GIANG** --- *Bản án số: **89**/2026/HNGĐ-ST* *Ngày: 08/5/2026* *V/v:"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thị Hồng Gấm**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 399, tổ 17, ấp Kinh 3A, xã Thạnh Đ, tỉnh A

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Duy C,** sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 399, tổ 17, ấp Kinh 3A, xã Thạnh Đ, tỉnh A

(Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Hồng G trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Duy C chung sống với nhau vào tháng 9/2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh K (nay là xã Thạnh Đông, tỉnh A) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong

thời gian chung sống bà và ông C có 02 con chung: Nguyễn Chiến Th, sinh ngày 08/11/2014 và Nguyễn Thiên P, sinh ngày 26/7/2017. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2019 cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi vả, mặc dù bà đã cố gắng khắc phục nhưng không thành. Do đó bà và ông C đã ly thân khoảng 06 năm.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà cảm thấy không hạnh phúc khi chung sống với nhau, nên bà có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Duy C;

- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 26/7/2017, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; giao cháu Nguyễn Chiến Th, sinh ngày 08/11/2014 cho ông C chăm sóc nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn ông Nguyễn Duy C đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.***

**** Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2025 đối với Ban lãnh đạo ấp Kinh 3A, xã Thạnh Đ, tỉnh A:***

Ban lãnh đạo ấp Kinh 3A, xã Thạnh Đ, tỉnh A cho biết đương sự Nguyễn Duy C, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Kinh 3A, xã Thạnh Đ, tỉnh A nhưng hiện tại không có mặt ở địa phương tuy nhiên vẫn thường xuyên về thăm gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không biết vì không ai trình báo chính quyền địa phương. Còn về con của đương sự C tên là Nguyễn Chiến Th, sinh ngày 08/11/2014 thì hiện nay đương sự C là người nuôi dưỡng và chăm sóc.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, Hội Đồng xét xử, Thư ký phiên toà: thì thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 116 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị HĐXX xét chấp nhận:

- Về hôn nhân: Cho bà Vũ Thị Hồng G được ly hôn với ông Nguyễn Duy C

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 26/7/2017 cho bà G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và bà G tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu P; giao cháu Nguyễn Chiến Th, sinh ngày 08/11/2014 cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Th.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà G phải nộp án phí ly hôn theo quy định cùa pháp luật.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Vũ Thị Hồng G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với ông Nguyễn Duy C nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*". Bị đơn ông Nguyễn Duy C có nơi cư trú tại ấp Kinh 3A, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Vũ Thị Hồng G có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn ông Nguyễn Duy C thì Toà án đã làm đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Duy C vẫn vắng mặt không lý do và chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị Hồng Gấm. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Hồng G và ông Nguyễn Duy C chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân

xã Tân Hiệp A, huyện TH, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của bà Vũ Thị Hồng G và ông Nguyễn Duy C là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Vũ Thị Hồng G trình bày trong thời gian chung sống thì ban đầu hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi vả, mặc dù bà đã cố gắng khắc phục nhưng không thành. Bà Vũ Thị Hồng G xác định hiện nay bà đã ly thân với ông C trong khoảng thời gian dài 06 năm và bà không còn tình cảm với ông C nên bà kiên quyết xin ly hôn, từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G đối với ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Vũ Thị Hồng G xác định trong thời gian chung sống bà G và ông C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 26/7/2017 và cháu Nguyễn Chiến Th, sinh ngày 08/11/2014. Hiện nay bà G đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P nên bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu P, còn ông C đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th nên bà thống nhất giao cháu Th cho ông C chăm sóc nuôi dưỡng. Bà G không yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ sau khi ly thân đến nay bà G là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phúc, còn ông C chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thắng. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cho bà Vũ Thị Hồng G tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu P và ông C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Th để không làm thay đổi môi trường sống của 02 cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do bà Vũ Thị Hồng G tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà Vũ Thị Hồng G, ông Nguyễn Duy C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác định bà và ông C không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông C đúng theo quy định pháp luật nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa bà G và ông C. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Hồng G về việc tranh chấp ly hôn đối với ông Nguyễn Duy C.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Hồng G là nguyên đơn trong vụ án nên bà Vũ Thị Hồng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Vũ Thị Hồng G về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" với ông Nguyễn Duy C.

1. Về hôn nhân: Cho bà Vũ Thị Hồng G được ly hôn với ông Nguyễn Duy C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 26/7/2017 cho bà Vũ Thị Hồng G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và bà G tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu P; giao cháu Nguyễn Chiến Th, sinh ngày 08/11/2014 cho ông Nguyễn Duy C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Th. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét

Ông Nguyễn Duy C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vũ Thị Hồng G xác định không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Hồng G phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003611 ngày 09/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - An Giang, bà G không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 3 – An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Danh Phạm Ngọc Khánh